TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

BẢNG ĐIỂM HỌC TẬP LỚP K11 - TN2

Học kỳ I - Năm học 2023 - 2024

MÔN HỌC : XÂY DỰNG CÁC TỔ CHỨC THANH NIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm quá trình		Điểm thi hết môn 60 %	Điểm TB môn	TB môn (TĐ chữ)	Ghi chú
					Chuyên cần 10%	KT trong kỳ 30%				
1	202202002	LÊ HẢI	ANH	21/10/2004	10.00	8.50	5.50	**6.9**	**C+**	
2	202202004	NGUYỄN THỊ HỒNG	ANH	14/05/2004	7.00	6.50	7.50	**7.2**	**B**	
3	202202006	VŨ ĐỨC	ANH	30/12/2003			0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
4	202202010	TRẦN HỒNG	ANH	16/08/2004	10.00	8.00	8.50	**8.5**	**A**	
5	202202012	PHAN TÙNG	BÁCH	26/09/2004	8.00	0.00	0.00	**0.8**	**F**	
6	202202015	LÙ THỊ	CHƯƠNG	11/07/2004	8.50	7.00	4.50	**5.7**	**C**	
7	202202019	ĐINH DUY	ĐẢNG	28/02/2004	10.00	7.50	4.00	**5.7**	**C**	
8	202202023	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐIỆP	26/08/2004	7.00	8.50	7.00	**7.5**	**B**	
9	202202025	NGUYỄN THỊ ANH	ĐỨC	19/04/2004	6.00	6.00	3.50	**4.5**	**D**	
10	202202027	NGUYỄN THÀNH	DƯƠNG	03/03/2004	8.50	6.00	8.50	**7.8**	**B**	
11	202202031	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	08/08/2004	10.00	7.00	2.00	**4.3**	**D**	
12	202202033	TRẦN THỊ	HẢO	05/07/2004	9.00	8.00	4.00	**5.7**	**C**	
13	202002018	PHẠM BẢO	HOÀNG	19/04/2002	10.00	9.00	7.50	**8.2**	**B+**	
14	202202035	ĐOÀN VĂN HUY	HOÀNG	11/01/2004	10.00	9.00	4.00	**6.1**	**C**	
15	202202037	NGUYỄN THỊ MINH	HUỆ	13/01/2004	10.00	8.50	5.00	**6.6**	**C+**	
16	202203040	TRIỆU THANH	HIẾU	02/8/2003	10.00	7.50	4.50	**6.0**	**C**	
17	202202039	NGUYỄN GIA	KHÁNH	15/01/2004	0.00	0.00	0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
18	202202041	ĐINH THỊ DIỆU	LINH	13/09/2004	10.00	9.00	4.00	**6.1**	**C**	
19	202202043	NGÔ NGỌC	LINH	23/06/2004	0.00	0.00	0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
20	202202047	BÙI THANH	LỢI	27/07/2004	10.00	8.00	7.00	**7.6**	**B**	
21	202202051	VÕ NHẬT	MINH	17/08/2004	7.50	8.00	8.00	**8.0**	**B+**	
22	202202053	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	12/02/2004	0.00	0.00	0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
23	202202054	NGUYỄN TRÀ	MY	05/11/2004	8.50	7.00	5.50	**6.3**	**C**	
24	202202056	LÊ THỊ BÍCH	NHI	13/10/2004	0.00	0.00	0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
25	202202058	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	13/06/2004	7.00	0.00	3.00	**2.5**	**F**	

STT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm quá trình		Điểm thi hết môn 60 %	Điểm TB môn	TB môn (TĐ chữ)	Ghi chú
					Chuyên cần 10%	KT trong kỳ 30%				
26	202202060	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	21/11/2004	0.00	0.00	0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
27	202202062	TRẦN THU	PHƯƠNG	10/09/2003	9.00	6.00	6.00	**6.3**	**C**	
28	202202064	ĐOÀN ANH	QUÂN	11/09/2004	10.00	9.50	5.00	**6.9**	**C+**	
29	202202066	LÊ VINH	QUANG	08/10/2003	0.00	0.00	0.00	**0.0**	**F**	Ko đủ ĐK
30	202202068	PHAN THỊ	QUYÊN	12/06/2004	10.00	9.00	7.00	**7.9**	**B**	
31	202202070	PHẠM VĂN	QUYẾT	30/06/2004	10.00	8.00	6.00	**7.0**	**B**	
32	202202072	NGUYỄN THỊ	THẮM	13/12/2004	10.00	8.00	5.00	**6.4**	**C**	
33	202202074	BÙI PHƯƠNG	THẢO	16/10/2004	10.00	7.50	8.00	**8.1**	**B+**	
34	202202076	VĂN THỊ ANH	THƠ	01/03/2004	10.00	8.00	3.00	**5.2**	**D+**	
35	202202082	BÙI THÙY	TRANG	18/08/2004	7.50	7.00	1.00	**3.5**	**F**	
36	202202084	NGUYỄN DƯƠNG THANH	TRÚC	16/11/2004	7.00	6.00	0.00	**2.5**	**F**	
37	202202088	DƯƠNG MẠNH	TUẤN	12/07/2004	10.00	8.00	2.00	**4.6**	**D**	
38	202202090	VÙI PHƯƠNG	UYÊN	18/01/2004	6.00	0.00	0.00	**0.6**	**F**	
39	202202094	TRẦN ANH	VŨ	06/04/2004	6.00	6.00	1.00	**3.0**	**F**	

GIẢNG VIÊN